

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2020
*V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận và bà Bùi Thị Quy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐHPTST-DS ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1989

ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn T1 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985

ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Anh T vắng mặt; chị H có đơn đề nghị vắng mặt.

Người làm chứng

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn Đ, xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn T 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa.

Đều có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị với anh Nguyễn Thanh T trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/10/2013. Sau khi cưới anh chị sống cùng gia đình anh T ở thôn Đ, xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và anh T không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống thì bất đồng ngay cả việc làm ăn kinh tế cũng như nuôi con dẫn đến việc anh chị luôn cãi vã nhau. Anh T không quan tâm đến vợ con và gia đình, bỏ mặc chị nuôi con một mình. Thời gian chung sống hai năm đầu mặc dù sống trong cùng một nhà nhưng thực tế vợ chồng đã không quan hệ tình cảm khoảng 1 năm. Cuối năm 2015, do không thể chung sống với nhau nên chị buộc phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ ở anh T cũng không đón mẹ con chị về, cũng không gọi điện hay về thăm con. Chỉ khi con đòi nói chuyện với bố chị mới liên hệ với anh T để hai bố con nói chuyện. Chị được biết hiện tại anh T đang làm xa ở miền Nam nhưng địa chỉ cụ thể ở đâu chị không biết, chị liên lạc qua điện thoại hỏi địa chỉ thì anh T không cho biết và nói với chị là đồng ý ly hôn, nhờ chị nuôi con và nhất trí để Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc ly hôn của vợ chồng tuy nhiên do công việc bận nên không thể đến Tòa án được và nói với chị là đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị có về nhà anh T hỏi mẹ chồng về địa chỉ của anh T, bà nói chỉ biết anh T đang làm ăn trong Nam chứ cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu. Anh T có thường xuyên gọi điện về cho mẹ chồng chị hỏi thăm sức khỏe chứ cũng ít khi về nhà và nếu có về lại đi ngay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân được 5 năm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/8/2014. Hiện con và chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị ở huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa. Con chị khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện đang học lớp 1B, trường tiểu học Y, xã Y, huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa. Do con đang ở ổn định với chị nên chị đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi con và chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm việc tại công ty giấy da tại huyện Y1, thu nhập khoảng 5 đến 6 triệu một tháng. Ngoài ra, chị còn nhận việc về làm thêm vào buổi tối và những ngày nghỉ. Tổng thu nhập khoảng 8 triệu đồng/ tháng đủ mẹ con chị sinh sống. Ngoài ra, chị còn được bố mẹ chị hỗ trợ trong việc chăm sóc, đưa đón con đi học. Bố mẹ chị dành riêng cho mẹ con chị một phòng ở rất rộng khoảng 50 m² để sinh hoạt.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị và anh T được mẹ anh T cho một mảnh đất diện tích 274,5 m² trên đất có một ngôi nhà 3 gian đã cũ thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 19 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2015 mang tên vợ chồng chị là Trịnh Thị Thu H và Nguyễn Thanh T. Cuối năm 2015 vợ chồng chị có thể chấp vay tiền ngân hàng để trả nợ nhưng sau đó không có tiền trả nên mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị G đã trả thay cho vợ chồng chị để lấy sổ đỏ về. Nay ly hôn chị không đòi hỏi quyền lợi gì, chị đã làm bản cam kết tặng cho lại chồng chị là anh Nguyễn Thanh T và mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị G nhà đất trên. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nhà đất đã nêu ở trên. Chị xác định vợ chồng không nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng; công sức đóng góp gia đình hai bên cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời khai của anh T.

Lời khai của bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ anh T) xác định: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình bà ở thôn Đ, xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau bà được biết không có hạnh phúc tuy nhiên nguyên nhân sâu xa bà không nắm được, bà chỉ được biết giữa anh chị H, T tính cách không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà đã phải hòa giải nhiều lần để vợ chồng bớt căng thẳng, mâu thuẫn nhưng không được, mối quan hệ giữa anh chị không thay đổi. Hiện nay, anh T đang làm ăn ở miền Nam nhưng địa chỉ cụ thể thế nào bà không nắm được, bà hỏi anh T cũng không nói. Hiện anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã N1 còn chị H và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị H ở Y1, Thanh Hóa sinh sống từ năm 2015 đến nay. Bà được biết khi anh T đi làm ăn xa cũng không gửi tiền về cho chị H nuôi con nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa bà đều thông báo cho anh T biết, anh T nói công việc bận không về được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T nhất trí ly hôn và cho chị H được nuôi con. Nay chị H xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bà Lê Thị L (mẹ đẻ chị H) xác định: Trước khi kết hôn anh chị H, T có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà được biết nguyên nhân là do anh T và chị H không hợp nhau về tính tình, quan

điểm sống thì bất đồng ngay cả việc làm ăn kinh tế cũng như nuôi con dẫn đến việc anh chị luôn cãi vã nhau. Anh T hiện đang đi làm ăn xa không về nhà, không quan tâm gì đến gia đình, chị H hiện đã bế con về nhà bà ở huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa sống từ năm 2015 đến nay. Khi anh T đi làm ăn xa cũng không gửi tiền về cho vợ nuôi con nên vợ chồng tình cảm ngày càng rạn nứt. Hai bên gia cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi; không chịu về nhà để vợ chồng nói chuyện hôn nhân để khắc phục mâu thuẫn. Nay chị H làm đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/8/2014. Hiện cháu B và chị H đang ở cùng vợ chồng bà. Bà làm ruộng, chồng bà về hưu nên có thời gian hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón cháu đi học, ngoài ra nếu cần vợ chồng bà cũng hỗ trợ chị H về vật chất cũng như tinh thần. Nhà bà chỉ có hai con trong đó con trai lớn của bà cũng có chỗ ở ổn định. Nên mẹ con chị H ở với vợ chồng bà, vợ chồng bà dành riêng cho mẹ con chị H một phòng để sinh hoạt. Gia đình bà đất đai rộng rãi khoảng 850 m². Nếu sau này chị H không muốn ở chung với vợ chồng bà thì vợ chồng bà sẵn sàng cho mẹ con chị H một mảnh đất để xây nhà riêng để ở.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị H, anh T có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã N1. Hiện anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương còn chị H và con đã chuyển khẩu về huyện Y1, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2018. Địa phương chỉ nắm được hiện nay anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về còn địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không nắm được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mãi chơi, làm ăn thì thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều; ngoài ra còn nguyên nhân gì khác địa phương không nắm được. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Anh Nguyễn Đình Hạnh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, Xử cho chị Trịnh Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/8/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở; Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Trịnh Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Thanh T; anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T đã được chị H thông báo về việc khởi kiện, tuy nhiên anh T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt văn bản tố tụng đối với anh T thông qua người thân, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do; chị H do công việc bận có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người làm chứng là phù hợp với điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trịnh Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặt khác, anh T lại làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, đi làm ăn xa cũng không gửi tiền về để chị H nuôi con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng của anh chị không thay đổi. Từ khi đi làm ăn xa, anh T có liên lạc về với chị H để hỏi thăm con nhưng không cho chị H biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Bà Giá là mẹ đẻ anh T xác định anh T đang đi làm ăn ở miền Nam nhưng cụ thể ở đâu bà cũng không biết, bà hỏi anh T cũng không nói, anh T thì thoảng có về nhà rồi lại đi luôn. Đến nay, anh

Tkhông còn quan tâm gì đến chị H. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị H cũng đã thông tin cho anh T biết nhưng anh T vẫn cố tình giấu địa chỉ, chứng tỏ anh T cũng không tha thiết tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, chị H và anh T không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng anh chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay, anh T vắng mặt còn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử xử cho chị Trịnh Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/8/2014 vì hiện tại anh T không có nhà, chị lại đang trực tiếp nuôi con. Khi nuôi con chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, anh T không biết ở đâu, cũng không quan tâm chăm lo đến con chung nên cần giao cháu Nguyễn Quốc B cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị H xác định chị và anh T có một mảnh đất diện tích 274,5 m² trên đất có một ngôi nhà 3 gian đã cũ thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 19 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2015 mang tên vợ chồng chị là Trịnh Thị Thu H và Nguyễn Thanh T. Nay ly hôn chị đã làm bản cam kết tặng cho lại chồng chị là anh Nguyễn Thanh T và mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị G nhà đất trên. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản là nhà đất đã nêu ở trên. Chị xác định vợ chồng không nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng; công sức đóng góp gia đình hai bên cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu H

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Trịnh Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T

- *Về con chung*: Xử: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Trịnh Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003633 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị H, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã N1, huyện N để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp